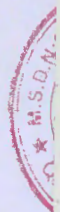
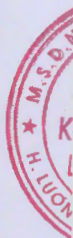


**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



**NỘI DUNG****Trang**

<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 070038548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (mua bán sắt thép);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (mua bán và chế biến than các loại, mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35 KV);
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nhựa, giấy và sản phẩm từ nhựa, giấy;
- Sản xuất kinh doanh các loại máy, thiết bị ngành nhựa, dệt may, bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán các loại chỉ may, in tráng, sản xuất chỉ;
- Sửa chữa, bảo dưỡng cải tạo các phương tiện vận chuyên;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: máy, thiết bị công nghiệp, quặng kim loại các loại;
- Chế tạo, gia công cơ khí, rút sợi: thép, đồng, nhôm;
- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Đ/c: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: Công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 15 – quốc lộ 21 – xã Thành Lập – huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty là 238.880.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 23.880.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Anh Tú	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Kiên Cường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 14/09/2016
Bà Phùng Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/09/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Mạnh Linh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hanh	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Đ/c: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**TM Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Đức Dũng**





**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị  
và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu, được lập ngày 30/03/2017, từ trang 07 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại thuyết minh V.3, Công ty hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Kim Cương Lai Châu, Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu tư Xây Dựng Ba Đình (hợp đồng với Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu tư Xây Dựng Ba Đình chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông) và Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương Mại Đông Bắc theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với tổng số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2016 là 130 tỷ đồng. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được hồ sơ liên quan đến kết quả của các hoạt động hợp tác đầu tư với 3 Công ty nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh tổn thất của khoản hợp tác đầu tư này (nếu có) hay không.

Hiện chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán của Công ty như giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm định chất lượng, phiếu cân...



Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền trung (TMT) hơn 71 tỷ đồng.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh V.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc Công ty tạm ứng cho các cá nhân theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Số dư tạm ứng cho các cá nhân tại thời điểm 31/12/2016 là 105.230.000.000 đồng.
- Như đã trình bày tại thuyết minh V.11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản vay ngắn hạn của Công ty có thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Lãi suất vay bằng 0%/năm. Các khoản vay đều tín chấp.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

**Bùi Quang Hợp**

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2013-016-1



Phó Tổng Giám đốc

**Lê Văn Dò**

Giấy CNĐKHNKT số 0231-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>220.193.252.135</b>	<b>196.167.129.316</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>171.251.410</b>	<b>285.363.602</b>
1. Tiền	111		171.251.410	285.363.602
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>209.455.483.394</b>	<b>185.892.684.720</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	104.470.742.508	89.610.293.013
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		437.142.400	208.509.570
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	3.362.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	107.741.882.137	92.711.882.137
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.957.904.624)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		763.620.972	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>10.411.062.469</b>	<b>9.771.075.824</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.411.062.469	9.771.075.824
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>155.454.862</b>	<b>218.005.170</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		155.454.862	218.005.170
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>182.003.449.922</b>	<b>154.681.442.506</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03	130.000.000.000	100.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.003.449.922</b>	<b>34.681.442.506</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	32.003.449.922	34.681.442.506
- Nguyên giá	222		44.019.729.878	44.019.729.878
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.016.279.956)	(9.338.287.372)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>402.196.702.057</b>	<b>350.848.571.822</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>162.993.835.500</b>	<b>106.851.660.798</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.993.835.500</b>	<b>106.851.660.798</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	130.819.856.324	97.021.181.622
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		300.000.000	300.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	826.548.696	876.548.696
4. Phải trả người lao động	314		34.500.000	34.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		140.000.000	70.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		185.000.000	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	30.687.930.480	8.549.430.480
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>239.202.866.557</b>	<b>243.996.911.024</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>239.202.866.557</b>	<b>243.996.911.024</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.880.000.000	238.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.880.000.000	238.880.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		322.866.557	5.116.911.024
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.116.911.024	3.477.480.564
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.794.044.468)	1.639.430.460
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>402.196.702.057</b>	<b>350.848.571.822</b>

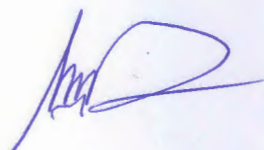
Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Người lập biểu



Phùng Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phùng Thị Kim Anh

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	142.351.665.289	69.712.545.260
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.351.665.289	69.712.545.260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	139.932.384.991	67.021.591.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.419.280.298	2.690.953.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	720.553	62.048.121
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.04	81.000.000	156.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	4.770.280.624	495.167.466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.431.279.773)	2.101.833.923
11. Thu nhập khác	31	VI.05	500.227.889	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	2.862.992.584	-
13. Lợi nhuận khác	40		(2.362.764.695)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.794.044.468)	2.101.833.923
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	462.403.463
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.794.044.468)	1.639.430.460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(197)	92
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(197)	92

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Phùng Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phùng Thị Kim Anh

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	138.014.013.802	63.236.980.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(118.246.559.677)	(55.780.724.226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(414.000.000)	(407.500.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	43.473.213.130	45.400.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(55.080.000.000)	(90.203.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.746.667.255</b>	<b>(83.108.843.616)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.362.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(39.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.000.000.000	80.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.553	62.048.121
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.999.279.447)</b>	<b>46.700.048.121</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	82.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	57.289.000.000	19.990.600.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.150.500.000)	(66.070.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>22.138.500.000</b>	<b>35.920.600.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(114.112.192)</b>	<b>(488.195.495)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>285.363.602</b>	<b>773.559.097</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>171.251.410</b>	<b>285.363.602</b>

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phùng Thị Kim Anh

Phùng Thị Kim Anh

Lê Đức Dũng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****NĂM 2016****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 070038548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 15 – quốc lộ 21 – xã Thành Lập – huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (mua bán sắt thép);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (mua bán và chế biến than các loại, mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35 KV);
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nhựa, giấy và sản phẩm từ nhựa, giấy;
- Sản xuất kinh doanh các loại máy, thiết bị ngành nhựa, dệt may, bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán các loại chỉ may, in tráng, sản xuất chỉ;
- Sửa chữa, bảo dưỡng cải tạo các phương tiện vận chuyên;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: máy, thiết bị công nghiệp, quặng kim loại các loại;
- Chế tạo, gia công cơ khí, rút sợi: thép, đồng, nhôm;



- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: Công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của Nhà nước.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất dự kiến cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.



Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán và



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### **9. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

#### **10. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **12. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2016	01/01/2016
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	167.373.931	249.657.004
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.877.479	35.706.598
<b>Cộng</b>	<b>171.251.410</b>	<b>285.363.602</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**2.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a) Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-	<b>20.000.000.000</b>	-	-
Công ty CP-Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai- Tỷ lệ sở hữu 23,35%	20.000.000.000	-	(i) 20.000.000.000	-	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính

**3. Phải thu khách hàng**

**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Huyền Thanh	2.337.500.000	-
- Công ty CP đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	4.577.650.000	4.577.650.000
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Kỹ thuật TM Phú Hòa	5.057.715.190	1.082.059.990
- Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Xuất nhập khẩu Hùng Vương	-	6.304.376.760
- Các đối tượng khác	413.138.555	1.925.638.555

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	2.640.000.000	-
- Công ty CPKS và VLXD Gia Lai	183.330.000	183.330.000
- Công ty CPKS và VLXD Hưng Long	258.560.602	733.560.602
- Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình	6.466.654.300	-
- Công ty CP công nghiệp khoáng sản Bình Thuận CN Hồ Chí Minh	82.536.193.861	22.125.368.584
- Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	-	52.678.308.522
<b>Cộng</b>	<b>104.470.742.508</b>	<b>89.610.293.013</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
- Cho vay Ông Lê Đức Dũng (*)	-	3.362.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.362.000.000</b>

(\*) Cho Ông Lê Đức Dũng vay theo hợp đồng số 2806/2015/HĐVV ngày 28/06/2015 hạn mức tín dụng là 12 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, cho vay bằng tiền mặt.

**5. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>107.741.882.137</b>	<b>1.255.941.069</b>	<b>92.711.882.137</b>	-
- Phải thu khác	2.511.882.137	1.255.941.069	2.511.882.137	-
+ <i>Cổ tức phải thu Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng</i>	2.511.882.137	1.255.941.069	2.511.882.137	-
- Tạm ứng	105.230.000.000	-	90.200.000.000	-
+ Ông Lê Hữu Lộc (1)	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-
+ Ông Nguyễn Đình Trường (2)	3.000.000.000	-	-	-
+ Bà Phạm Thị Hải Yến (3)	87.030.000.000	-	75.000.000.000	-



<b>b) Dài hạn</b>	<b>130.000.000.000</b>	-	<b>100.000.000.000</b>	-
- Công ty TNHH Kim Cương Lai	21.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Châu (4)				
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu tư Xây Dựng Ba Đình (5)	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương Mại Đông Bắc (6)	39.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>237.741.882.137</b>	<b>1.255.941.069</b>	<b>192.711.882.137</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(1) Tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc để thực hiện mua 3.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18/12/2015, theo đó tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc số tiền trong hạn mức 30 tỷ, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng; theo NQ 10.12/2016/NQ-HĐQT ngày 10/12/2016, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày 10/12/2016 để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2016 thì số dư khoản tạm ứng này còn 15,2 tỷ.

(2) Tạm ứng 3 tỷ cho ông Nguyễn Đình Trường để mua 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần ô tô Đông Hà theo Nghị quyết HĐQT số 01.06/2016/NQ-HĐQT ngày 01/6/2016, thời hạn tạm ứng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng, hạn mức tạm ứng 5 tỷ đồng.

(3) Tạm ứng 80 tỷ cho bà Phạm Thị Hải Yến để thực hiện mua 8.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Công nghiệp khai khoáng theo NQ HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và NQ HĐQT số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 8/12/2015, theo đó tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến số tiền trong hạn mức 80 tỷ, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng; Nghị quyết số 09.12/2016/NQ-HĐQT ngày 09/12/2016: thời hạn tạm ứng 360 ngày kể từ ngày 09/12/2016. Trong 6 tháng đầu năm khoản tạm ứng này đã thu hồi được 40 tỷ còn lại 35 tỷ chưa thu hồi tại 31/12/2016 trong tổng số đã ứng 75 tỷ (dư tại 31/12/2015); Khoản tạm ứng này chưa phù hợp với điều lệ Công ty năm 2015;

Tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến để mua 100% vốn của công ty TNHH Bình Minh 1 theo Nghị quyết số 01.04/2016/NQ-HĐQT ngày 01/04/2016 với hạn mức 55 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng là 18 tháng kể từ ngày tạm ứng. Đến 31/12/2016 số dư tạm ứng cho nội dung này là 52,03 tỷ đồng.

(4) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2015/HĐHTKD ngày 01/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và khai thác khu đất tại Bản Chang, Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tổng số vốn là 60 tỷ. Ngày 28/3/2016, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 02.2015/TL/KSK, theo đó hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất tất toán hợp đồng số 02/2015/HĐHTKD ngày 01/4/2015, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu sẽ hoàn trả toàn bộ 30 tỷ cho công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý. Tại ngày 31/12/2016 số vốn Công ty TNHH Kim cương Lai Châu còn phải trả là 21 tỷ đồng.

(5) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2014/HĐHTKD ngày 28/8/2014 giữa Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu và Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT XD Ba Đình thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án của Công ty Cổ phần ĐT PT VDI Việt Nam tổng số vốn là 140 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50%-50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm (36 tháng) kể từ ngày ký. Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT XD Ba Đình chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

(6) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ký ngày 15/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Đông Bắc với Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu: hai bên cùng góp mỗi bên 60 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm cùng với một bên thứ ba; thời hạn hợp tác kinh doanh 10 năm tính theo năm dương lịch (12 tháng) bắt đầu từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới được đầu tư hoàn chỉnh.

6. Nợ xấu	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Phải thu khách hàng	4.990.788.555	2.288.825.000	-	-
+ Công ty CP đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	4.577.650.000	2.288.825.000	-	-
+ Đình Ngọc Dương	413.138.555	-	-	-
- Phải thu khác	2.511.882.137	1.255.941.068	-	-
+ Cổ tức phải thu Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	2.511.882.137	1.255.941.068	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.502.670.692</b>	<b>3.544.766.068</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	429.038.458	-	429.038.458	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.937.140.381	-	3.937.140.381	-
Thành phẩm	885.066.859	-	885.066.859	-
Hàng hóa	5.159.816.771	-	4.519.830.126	-
<b>Cộng</b>	<b>10.411.062.469</b>	<b>-</b>	<b>9.771.075.824</b>	<b>-</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
	Số dư đầu kỳ	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	-	-	44.019.729.878
	Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
	- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
	Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
	- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
	Số dư cuối kỳ	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	-	-	44.019.729.878
	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
	Số dư đầu kỳ	5.607.221.789	1.983.191.616	1.747.873.967	-	-	9.338.287.372
	Số tăng trong kỳ	1.509.850.758	801.126.694	367.015.132	-	-	2.677.992.584
	- Khấu hao trong kỳ	1.509.850.758	801.126.694	367.015.132	-	-	2.677.992.584
	Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
	- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
	Số dư cuối kỳ	7.117.072.547	2.784.318.310	2.114.889.099	-	-	12.016.279.956
	<b>Giá trị còn lại</b>						
	Tại ngày đầu kỳ	24.789.793.364	6.260.040.374	3.631.608.768	-	-	34.681.442.506
	Tại ngày cuối kỳ	23.279.942.606	5.458.913.680	3.264.593.636	-	-	32.003.449.922

9. Phải trả người bán	31/12/16		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty CP mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung	71.828.983.851	71.828.983.851	71.828.983.851	71.828.983.851
- Công ty CP Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	-	-	7.357.039.800	7.357.039.800
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Doanh Nghiệp Việt Nam	-	-	12.526.973.012	12.526.973.012
- Các đối tượng khác	111.662.022	111.662.022	500.676.781	500.676.781
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	18.422.242.350	18.422.242.350	2.801.188.000	2.801.188.000
- Công ty CPKS và VLXD Hưng Long	13.902.000.000	13.902.000.000	-	-
- Công ty CP công nghiệp khoáng sản Bình Thuận CN Hồ Chí Minh	3.171.907.200	3.171.907.200	-	-
- Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	23.383.060.901	23.383.060.901	2.006.320.178	2,006.320.178
<b>Cộng</b>	<b>130.819.856.324</b>	<b>130.819.856.324</b>	<b>97.021.181.622</b>	<b>97.021.181.622</b>



## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	876.548.696	-	50.000.000	826.548.696
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>876.548.696</b>	<b>3.000.000</b>	<b>53.000.000</b>	<b>826.548.696</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 11. Vay và nợ thuê tài chính

	Giá trị	31/12/2016			01/01/2016	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>30.687.930.480</b>	<b>30.687.930.480</b>	<b>57.289.000.000</b>	<b>35.150.500.000</b>	<b>8.549.430.480</b>	<b>8.549.430.480</b>
<b>+ Vay ngắn hạn (*)</b>						
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000			-
- Lê Đức Dũng	11.954.500.000	11.954.500.000	16.175.000.000	4.220.500.000		-
- Phạm Thị Hải Yến	13.943.000.000	13.943.000.000	7.564.000.000		6.379.000.000	6.379.000.000
- Trần Kiên Cường	1.290.430.480	1.290.430.480		880.000.000	2.170.430.480	2.170.430.480
- Công ty CP Tài nguyên Sài Gòn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000		-
- Phạm Thị Hình	-	-	50.000.000	50.000.000		-

(\*) Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Lãi suất vay bằng 0%/năm. Các khoản vay đều tín chấp.

## 12. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	156.880.000.000	-	-	-	3.477.480.564	160.357.480.564
Tăng vốn năm trước	82.000.000.000	-	-	-	1.639.430.460	83.639.430.460
- Lãi trong năm trước		-	-	-	1.639.430.460	1.639.430.460
- Tăng do góp vốn	82.000.000.000	-	-	-	-	82.000.000.000
Số dư cuối năm trước	238.880.000.000	-	-	-	5.116.911.024	243.996.911.024
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	(4.794.044.468)	(4.794.044.468)
- Lãi trong kỳ		-	-	-	(4.794.044.468)	(4.794.044.468)
Số dư cuối kỳ	238.880.000.000	-	-	-	322.866.557	239.202.866.557

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của cổ đông khác	238.880.000.000	238.880.000.000
<b>Cộng</b>	<b>238.880.000.000</b>	<b>238.880.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	238.880.000.000	156.880.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	82.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	238.880.000.000	238.880.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



d) Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm nay	Năm trước
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Doanh thu</b>	<b>142.351.665.289</b>	<b>69.712.545.260</b>
Doanh thu bán hàng	142.351.665.289	69.712.545.260
<b>Trong đó doanh thu của hợp đồng được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	2.400.000.000	
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	21.113.584.760	2.017.720.000
Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình	7.242.413.000	1.860.160.000
Công ty CP công nghiệp khoáng sản Bình Thuận CN Hồ Chí Minh	105.578.358.055	58.263.646.540
Công ty CPKS và VLXD Hưng Long		5.212.327.820
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>139.932.384.991</b>	<b>67.021.591.992</b>
<b>Cộng</b>	<b>139.932.384.991</b>	<b>67.021.591.992</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	720.553	62.048.121
<b>Cộng</b>	<b>720.553</b>	<b>62.048.121</b>
<b>4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>81.000.000</b>	<b>156.000.000</b>
- Chi phí nhân viên	81.000.000	156.000.000
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.770.280.624</b>	<b>495.167.466</b>
Chi phí nhân viên quản lý	388.000.000	258.000.000
Chi phí tư vấn	-	150.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	3.957.904.624	-
Chi phí quản lý khác	424.376.000	87.167.466
<b>5. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập do các khoản nợ không phải trả	500.227.889	
<b>Cộng</b>	<b>500.227.889</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí khác</b>		
Khấu hao tài sản cố định không SXKD trong kỳ	2.677.992.584	
Tiền phạt về Công bố thông tin	185.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.862.992.584</b>	<b>-</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>a. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(4.794.044.468)</b>	<b>2.101.833.923</b>
<b>b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế</b>	<b>2.862.992.584</b>	<b>-</b>
b1. Các khoản điều chỉnh tăng	2.862.992.584	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	(1.931.051.884)	2.101.833.923
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>e. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (c*d)</b>	<b>-</b>	<b>462.403.463</b>



	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		-
Chi phí nhân công	469.000.000	414.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.630.992.584
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.957.904.624	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.669.600	153.251.166
Chi phí khác bằng tiền	4.706.400	83.916.300
<b>Cộng</b>	<b>4.851.280.624</b>	<b>3.282.160.050</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.713.044.468)	1.639.430.460
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(4.713.044.468)	1.639.430.460
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ	-	-
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.888.000	17.738.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	(197)	92
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	(197)	92
Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu		

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

##### 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng	30.920.958.500
			Trả tiền mua hàng	18.392.000.000
			Thu tiền bán hàng	23.224.943.236
2	Công ty CPKS và VLXD Hưng Long	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Thu tiền bán hàng	475.000.000
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Bình	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng	37.697.657.560
			Trả tiền mua hàng	41.467.423.316
			Thu tiền bán hàng	1.500.000.000
4	Công ty CP công nghiệp khoáng sản Bình Thuận CN Hồ Chí Minh	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng	2.883.552.000
			Thu tiền bán hàng	55.725.368.584
5	Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng	28.231.862.950
			Trả tiền mua hàng	7.000.000.000
			Thu tiền bán hàng	50.000.000.000
6	Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Vay tiền	3.500.000.000
7	Công ty CP Tài nguyên Sài Gòn	Công ty hợp tác kinh doanh năm 2015	Vay tiền	30.000.000.000
			Trả tiền vay	30.000.000.000



Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1	Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Tiền vay phải trả	(11.954.500.000)
2	Ông Lê Hữu Lộc	Thành Viên Hội đồng quản trị	Tiền Tạm ứng	15.200.000.000
3	Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng phòng kinh doanh	Tiền Tạm ứng	87.030.000.000
			Tiền vay phải trả	(13.943.000.000)
4	Ông Trần Kiên Cường	Nguyên Kế toán trưởng	Tiền vay phải trả	(1.290.430.480)
5	Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	Cùng Thành viên quản lý chủ chốt	Tiền vay phải trả	3.500.000.000

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2016

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Lê Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>72.000.000</b>	<b>-</b>

### 3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là bán hàng hóa trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế xã hội. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được chuyển sang ngày 01/01/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Người lập biểu



Phùng Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phùng Thị Kim Anh

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng